



Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒

Mẫu số: C1- 09/NS
Theo TT số 126/2014/TT-BTC
ngày 28/08/2014 của BTC
Mã hiệu: (1)
Số: (1)

Người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA18 Mã số thuế: 0300390921
Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu Huyện: (Quận) 1 Tỉnh, TP: HCM

Người nộp thay: (2) Mã số thuế:

Địa chỉ: Tỉnh, TP:

Huyện: Tỉnh, TP:

Đề nghị NH (KBNN) (3): TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – CN TP. HCM trích TK số: 310.15.000.001131

(hoặc) nộp tiền mặt (4) để:

Nộp vào NSNN ☐ TK tạm thu ☐

Tại KBNN: TP HCM tỉnh, TP: HCM

Mở tại NHTM ủy nhiệm thu:

Trường hợp nộp theo kết luận của CQ có thẩm quyền (1);

Kiểm toán NN ☐ Thanh tra TC ☐

Thanh tra CP ☐ CQ có thẩm quyền khác ☐

Tên cơ quan quản lý thu: Cục thuế Tp HCM

Mã số (TK số): 7111.1056137

Mã loại hình XNK:

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN				Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/NH PHT/KBNN ghi khi thu tiền(**)		
Stt	Nội dung các khoản nộp NS			Số tiền	Mã tiểu mục	Mã Chương
	Số tờ khai	Năm tờ khai	Sắc thuế			
1	8289/QĐ-CT	24/12/2018	Nộp tiền phạt vi phạm hành chính kê khai sai thuế GTGT	8.204.097	4254	554
2	8289/QĐ-CT	24/12/2018	Nộp tiền phạt vi phạm hành chính kê khai sai thuế TNDN	33.658.660	4254	554
3	8289/QĐ-CT	24/12/2018	Nộp tiền phạt vi phạm hành chính về hóa đơn	15.000.000	4254	554
4	8289/QĐ-CT	24/12/2018	Nộp tiền phạt chậm nộp thuế GTGT	17.873.633	4931	554
6	8289/QĐ-CT	24/12/2018	Nộp tiền phạt chậm nộp thuế TNDN	13.530.781	4918	554
7	8289/QĐ-CT	24/12/2018	Nộp truy thu thuế GTGT	41.020.485	1701	554
8	8289/QĐ-CT	24/12/2018	Nộp truy thu thuế TNDN	168.293.298	1052	554
Tổng cộng				297.580.954		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai trăm chín mươi bảy triệu năm trăm tám mươi ngàn chín trăm năm mươi bốn đồng.

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN

Mã CQ thu: Nợ TK:

Mã ĐBHC: Có TK:

Mã nguồn NSNN:

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày: 24 tháng 12 năm 2018

Người nộp tiền: Kế toán trưởng (3).....

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày: 24 tháng 12 năm 2018

Kế toán trưởng: Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Quân



Số: 8289/QĐ-CT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính về thuế

Căn cứ Điều 57, Điều 68 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2012/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và Luật số 106/2016/QH13;

Căn cứ Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuế;

Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài Chính quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế;

Căn cứ Biên bản kiểm tra thuế ký ngày 18 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định số 3108/QĐ-CT-KT ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh về việc kiểm tra thuế tại Công Ty Cổ Phần Lilama 18;

Căn cứ Quyết định về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính số 5064/QĐ-GQXP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Cục Trưởng Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kiểm tra thuế số 3;

Tôi: Nguyễn Thị Bích Hạnh - Chức vụ: Phó Cục trưởng Cục Thuế Thành Phố Hồ Chí Minh

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức:

1. Công Ty Cổ Phần Lilama 18.

Mã số thuế: 0300390921.

Địa chỉ: 9-19 Hồ Tùng Mậu, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 01, TP. Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300390921 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp, thay đổi lần thứ 8 ngày 01/7/2016.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Sỹ Quỳnh - Chức vụ: Tổng giám đốc làm đại diện.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

- Kê khai thiếu doanh thu bán ra, kê khai sai thuế suất thuế GTGT đầu ra dẫn đến kê khai khấu trừ thuế GTGT mua vào không đúng quy định. Đơn vị đã vi phạm Điều 7, Điều 8, Điều 12 Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013;

- Kê khai sai thu nhập chịu thuế TNDN, các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Đơn vị đã vi phạm Điều 3, Điều 9 Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008; Điều 1 Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN; Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuế;

- Không lập hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ cho, biếu, tặng. Đơn vị đã vi phạm điểm a khoản 7 Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

3. Quy định tại: Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Điều 38 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

4. Các tình tiết tăng nặng (nếu có): không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ (nếu có): không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền với mức phạt : 56.862.757 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi hai ngàn bảy trăm năm mươi bảy đồng*).

Cụ thể:

- Phạt tiền về hành vi vi phạm thủ tục về thuế với mức phạt (TM 4254): Không;

- Phạt tiền về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp với mức phạt: 41.862.757 đồng, trong đó:

+ Hành vi kê khai sai thuế GTGT (TM 4254): 8.204.097 đồng;

+ Hành vi kê khai sai thuế TNDN (TM 4254): 33.658.660 đồng;

- Phạt tiền về hành vi vi phạm về hóa đơn (TM 4254): 15.000.000 đồng;

b) Các biện pháp khắc phục hậu quả:

- Số tiền thuế truy thu: 209.313.783 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm lẻ chín triệu ba trăm mười ba ngàn bảy trăm tám mươi ba đồng*);

Trong đó:

- + Thuế giá trị gia tăng (TM 1701): 41.020.485 đồng;
- + Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM 1052): 168.293.298 đồng;
- Số tiền chậm nộp tiền thuế: 31.404.414 đồng (*Bằng chữ: Ba mươi một triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn bốn trăm mười bốn đồng*);

Trong đó:

- + Thuế giá trị gia tăng (TM 4931): 17.873.633 đồng;
- + Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM 4918): 13.530.781 đồng;

Tiền chậm nộp tính đến ngày 24/12/2018. Doanh nghiệp tự tính và nộp tiền chậm nộp tiền thuế kể từ sau ngày 25/12/2018 đến ngày nộp đủ tiền thuế truy thu vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do tổ chức vi phạm có tên tại Điều này chi trả.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Ông Trần Sỹ Quỳnh là đại diện cho tổ chức vi phạm có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt này, Công Ty Cổ Phần Lilama 18 phải nộp số tiền thuế, tiền chậm nộp và tiền phạt vào:

- Tài khoản số: 71111056137 của Cục thuế TP.Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc Nhà nước TP.Hồ Chí Minh (Số tiền thuế truy thu, tiền chậm nộp, tiền phạt);

Tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công Ty Cổ Phần Lilama 18 không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.


Công Ty Cổ Phần Lilama 18 có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước TP.Hồ Chí Minh để thu tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt.

3. Gửi cho Phòng Kế khai kế toán thuế; Phòng Quản lý nợ và Cưỡng chế nợ thuế; Phòng Pháp chế; Phòng Kiểm tra thuế số 3 để tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận ✓

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT3 (nnvanh.7b).

KT. CỤC TRƯỞNG ✓
PHÓ CỤC TRƯỞNG ✓

Nguyễn Thị Bích Hạnh